

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI** **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 212 /BGTVT-PC

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2025

V/v xây dựng Thông cáo báo chí  
đối với văn bản do Chính phủ, Thủ  
tướng Chính phủ ban hành

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Thông tư số 07/2021/TT-BTP ngày 01/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc ban hành thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành, Bộ Giao thông vận tải (GTVT) cung cấp thông tin phục vụ xây dựng Thông cáo báo chí như sau:

**I. Văn bản thứ nhất**

**1. Tên văn bản QPPL**

Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ

**2. Hiệu lực thi hành**

**a) Hiệu lực thi hành**

- Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.
- Nghị định này bãi bỏ các nghị định sau:

Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/11/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Điều 2, Điều 3 Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**b) Điều khoản chuyển tiếp**

- Các đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nếu chưa đủ điều kiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định này thì phải thực hiện cấp lại trước ngày 01 tháng 01 năm 2026.

- Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có Giấy phép kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) hoặc Giấy chứng nhận đầu

tư trước ngày Cam kết gia nhập WTO của Việt Nam có hiệu lực, trong đó có ngành nghề kinh doanh vận tải đường bộ được tiếp tục tham gia hoạt động kinh doanh vận tải theo giấy phép kinh doanh đã được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực.

- Quy định việc chuyển tiếp về cấp và sử dụng phù hiệu đối với xe ô tô kinh doanh vận tải

+ Đối với xe tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, xe tải, xe công-ten-nơ, xe đầu kéo, xe hợp đồng đã được cấp phù hiệu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành không phải thực hiện cấp lại cho đến khi hết hiệu lực hoặc đến khi thực hiện cấp lại;

+ Trường hợp xe ô tô có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái xe) đã được cấp phù hiệu xe hợp đồng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành (sử dụng phần mềm tính tiền quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định này) nếu có nhu cầu thực hiện theo loại hình xe taxi phải thực hiện cấp lại phù hiệu xe taxi để hoạt động kinh doanh theo quy định.

- Các xe ô tô buýt hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành nhưng chưa phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 của Nghị định này được phép hoạt động đến khi hết niên hạn sử dụng theo quy định.

- Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ của lái xe kinh doanh vận tải được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực được phép sử dụng cho đến khi hết hiệu lực hoặc đến khi thực hiện cấp lại.

- Biển hiệu “XE Ô TÔ VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH” đã cấp cho phương tiện của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành theo quy định của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch còn giá trị sử dụng thì được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết giá trị sử dụng ghi trên biển hiệu hoặc đến khi thực hiện cấp lại.

- Các đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này được tiếp tục hoạt động đến hết ngày 31/12/2025, kể từ ngày 01/01/2026 phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này.

- Đơn vị kinh doanh vận tải sử dụng xe ô tô tham gia hoạt động thí điểm dịch vụ vận chuyển hành khách du lịch trong các đô thị bằng xe ô tô thoáng nóc, hoạt động thí điểm dịch vụ vận chuyển hành khách kết nối trung tâm đô thị và trung tâm du lịch đến cảng hàng không bằng xe ô tô đã thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực được hoạt động theo tuyến xe buýt kể từ ngày 01/01/2025. Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện quản lý tuyến xe buýt và hoàn thành việc cấp phù hiệu “XE BUÝT” cho các phương tiện đã tham gia thí điểm (phương tiện tham gia thí điểm trước ngày 01/01/2025) xong trước ngày 01/3/2025.

- Đơn vị, hộ kinh doanh sử dụng xe bốn bánh có gắn động cơ tham gia hoạt động thí điểm trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục hoạt động đến hết ngày 30/6/2025, kể từ ngày 01/7/2025 phải đáp ứng quy định của Nghị định này.

### **3. Sự cần thiết, mục đích ban hành**

Luật Đường bộ và Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ đã được Quốc hội thông qua ngày 27/6/2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 7, trong đó đã giao nhiệm vụ cho Bộ GTVT xây dựng dự thảo Nghị định quy định về hoạt động vận tải đường bộ để quy định chi tiết khoản 14 Điều 56 Luật Đường bộ.

Việc xây dựng Nghị định quy về hoạt động vận tải đường bộ là cần thiết, đảm bảo thực hiện Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Luật Đường bộ và kịp thời khắc phục một số nội dung hạn chế sau khi thực hiện Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, Nghị định số 119/2021/NĐCP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới, Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/07/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, Nghị định số 41/2024/NĐCP ngày 16/04/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái.

### **4. Nội dung chủ yếu**

4.1. Về bố cục của Nghị định: Nghị định gồm 5 Chương, 78 Điều và 13 Phụ lục, cụ thể:

- Chương I: Quy định chung từ Điều 1 đến Điều 3
- Chương II: Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong nước gồm từ Điều 4 đến Điều 27
- Chương III: Quy định về hoạt động vận tải đường bộ quốc tế gồm từ Điều 28 đến Điều 63
- Chương IV: Tổ chức thực hiện gồm từ Điều 64 đến Điều 75
- Chương V: Điều khoản thi hành gồm từ Điều 76 đến Điều 78
- Các Phụ lục bao gồm:
  - + Phụ lục I: Mẫu giấy đề nghị cấp (cấp lại) giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

- + Phụ lục II: Mẫu giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ
- + Phụ lục III: Mẫu đăng ký khai thác tuyến
- + Phụ lục IV: Mẫu thông báo đơn vị đăng ký khai thác tuyến thành công
- + Phụ lục V: Mẫu giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu
- + Phụ lục VI: Mẫu giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ
- + Phụ lục VII: Các biểu mẫu liên quan đến cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN và giấy phép liên vận ASEAN
- + Phụ lục VIII: Các biểu mẫu liên quan đến cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS và giấy phép liên vận GMS
- + Phụ lục IX: Các biểu mẫu liên quan đến cấp, cấp lại giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
- + Phụ lục X: Các biểu mẫu liên quan đến cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Trung Quốc
- + Phụ lục XI: Các biểu mẫu liên quan đến cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào
- + Phụ lục XII: Các biểu mẫu liên quan đến cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia
- + Phụ lục XIII: Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải, xe bốn bánh có gắn động cơ, các cụm từ niêm yết trên xe.

#### *4.2. Phạm vi điều chỉnh*

Nghị định này quy định về kinh doanh, điều kiện kinh doanh và việc cấp, thu hồi Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ; cấp, thu hồi phù hiệu; hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ; trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ quốc tế, giấy phép liên vận cho đơn vị kinh doanh vận tải và phương tiện; gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của nước ngoài tại Việt Nam tham gia vận chuyển người, hàng hóa giữa Việt Nam với các nước theo các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

#### *4.3. Đối tượng áp dụng*

- Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh hoặc liên quan đến hoạt động vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ; hoạt động vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam với các nước theo quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Nghị định này không áp dụng đối với các đối tượng được miễn giấy phép theo quy định của các điều ước quốc tế về vận tải đường bộ qua biên giới mà Việt Nam là thành viên.

#### *4.4. Nội dung cơ bản của Nghị định*

- Bổ sung quy định về quản lý đối loại hình kinh doanh vận tải bằng xe bốn bánh có gắn động cơ tại Điều 9, Điều 10 Nghị định này. Nội dung này kế thừa theo kết quả tổng kết công tác thí điểm hoạt động xe bốn bánh có gắn động cơ trong khu vực hạn chế trên địa bàn 35 địa phương (đang có hoạt động thí điểm); đồng thời kế thừa quy định tại Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế.

Nội dung này, Sở GTVT lưu ý hướng dẫn triển khai theo quy định chuyển tiếp tại khoản 9 Điều 76: “9. Đơn vị, hộ kinh doanh sử dụng xe bốn bánh có gắn động cơ tham gia hoạt động thí điểm trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục hoạt động đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 phải đáp ứng quy định của Nghị định này.”.

- Bổ sung quy định đối với hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô, vận tải nội bộ bằng xe bốn bánh có gắn động cơ tại Mục 5 Chương II của Nghị định nhằm thực hiện quy định tại khoản 2, khoản 5, khoản 12 Điều 56 và khoản 14 Điều 56 Luật Đường bộ. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ GTVT xây dựng Nghị định quy định về hoạt động vận tải đường bộ để phù hợp quy định chi tiết Điều 56 Luật Đường bộ đối với hoạt động vận tải nội bộ.

- Sửa đổi quy định đối với đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận chuyển trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên, cán bộ công nhân viên đi học, đi làm việc (xe ô tô kinh doanh vận tải chở trẻ em mầm non, học sinh; xe ô tô kinh doanh vận tải kết hợp với hoạt động đưa đón trẻ em mầm non, học sinh thực hiện theo quy định của Nghị định này và theo quy định của Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024).

- Không quy định về thiết bị giám sát hành trình của xe (bỏ Điều 12 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2024 của Chính phủ) do căn cứ theo Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ thì nội dung này đã chuyển sang quy định tại Điều 27, Điều 28 và Điều 29 Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

## **II. Văn bản thứ hai**

### **1. Tên văn bản QPPL**

Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe

### **2. Hiệu lực thi hành**

#### **a) Hiệu lực thi hành**

- Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.

- Nghị định này bãi bỏ các nghị định sau:

Nghị định này bãi bỏ Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe và dịch vụ sát

hạch lái xe; Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ cơ sở đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; Điều 2 và điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ; Điều 1 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

*b) Điều khoản chuyển tiếp*

- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, giấy phép xe tập lái, giấy phép đào tạo lái xe ô tô do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục còn giá trị sử dụng theo thời hạn của giấy phép với các hạng xe đào tạo tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 89 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục còn giá trị sử dụng để sát hạch cấp giấy phép lái xe cho các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 89 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và phải được cấp lại giấy phép trước ngày 01/7/2025 sau khi đáp ứng đủ các điều kiện đối với trung tâm sát hạch lái xe theo quy định của Nghị định này, trừ điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 24 của Nghị định này.

- Trung tâm sát hạch lái xe đã được cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực đáp ứng điều kiện về hệ thống thông tin, đường truyền để kết nối và truyền dữ liệu giám sát sát hạch quy định tại khoản 5 Điều 24 của Nghị định này trước ngày 01/01/2026.

- Sở Giao thông vận tải xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, đường truyền để tiếp nhận, lưu trữ dữ liệu giám sát sát hạch quy định tại điểm c khoản 4 Điều 36 của Nghị định này trước ngày 01/01/2026. Sở Giao thông vận tải đang quản lý hoạt động của trung tâm sát hạch lái xe nằm trên địa phương khác, được tiếp tục quản lý và thực hiện thủ tục cấp lại, thu hồi giấy phép sát hạch theo quy định tại Điều 30 và Điều 31 của Nghị định này.

- Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, giấy phép xe tập lái, giấy phép đào tạo lái xe ô tô, giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động đã nộp tại cơ quan có thẩm quyền trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 65/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 138/2018/NĐ-CP và Nghị định số 41/2024/NĐ-CP, hạng xe được phép đào tạo và sát hạch tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 89 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Sở Giao thông vận tải thực hiện việc cấp kết quả điện tử trước ngày 31/12/2027 đối với các thủ tục: cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe quy định tại khoản 3 Điều 11 của Nghị định này; cấp giấy phép xe tập lái quy

định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định này; cấp giấy phép đào tạo lái xe quy định tại khoản 3 Điều 18 của Nghị định này; chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 quy định tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 26 của Nghị định này; cấp giấy phép sát hạch quy định tại khoản 3 Điều 27 của Nghị định này; cấp chấp thuận sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô quy định tại khoản 3 Điều 33 và khoản 3 Điều 34 của Nghị định này.

### **3. Sự cần thiết, mục đích ban hành**

Luật Đường bộ và Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ đã được Quốc hội thông qua ngày 27/6/2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 7, trong đó đã giao nhiệm vụ cho Bộ GTVT xây dựng dự thảo Nghị định quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

### **4. Nội dung chủ yếu**

4.1. Về bố cục của Nghị định: Nghị định gồm 5 Chương, 42 Điều và 21 Phụ lục, cụ thể:

- Chương I: Quy định chung gồm từ Điều 1 đến Điều 3
- Chương II: Hoạt động đào tạo lái xe từ Điều 4 đến Điều 22
- Chương III: Điều kiện kinh doanh, cấp và thu hồi giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động từ Điều 23 đến Điều 31
- Chương IV: Điều kiện và hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô từ Điều 32 đến Điều 35
- Chương V: Điều khoản thi hành từ Điều 36 đến Điều 42
- 21 Phụ lục bao gồm:
  - + Phụ lục I: Mẫu biên xe tập lái
  - + Phụ lục II: Chương trình tập huấn về nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe
  - + Phụ lục III: Mẫu giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
  - + Phụ lục IV: Mẫu đơn đề nghị tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
  - + Phụ lục V: Mẫu văn bản đề nghị kiểm tra cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
  - + Phụ lục VI: Mẫu sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
  - + Phụ lục VII: Các mẫu liên quan đến cấp giấy phép xe tập lái
  - + Phụ lục VIII: Mẫu biên bản kiểm tra cấp giấy phép xe tập lái
  - + Phụ lục IX: Mẫu sổ theo dõi cấp giấy phép xe tập lái

- + Phụ lục X: Mẫu danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái
- + Phụ lục XI: Mẫu giấy phép đào tạo lái xe ô tô
- + Phụ lục XII: Mẫu báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe
- + Phụ lục XIII: Biên bản kiểm tra xét cấp giấy phép đào tạo lái xe
- + Phụ lục XIV: Mẫu biển xe sát hạch
- + Phụ lục XV: Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch lái xe
- + Phụ lục XVI: Mẫu giấy phép sát hạch
- + Phụ lục XVII: Mẫu văn bản đề nghị cấp, cấp lại giấy phép sát hạch
- + Phụ lục XVIII: Mẫu biên bản kiểm tra cấp giấy phép sát hạch
- + Phụ lục XIX: Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận, chấp thuận lại hoạt động của dân tập lái để sát hạch lái xe ô tô
- + Phụ lục XX: Mẫu biên bản kiểm tra chấp thuận sân tập lái dùng để sát hạch lái xe ô tô
- + Phụ lục XXI: Mẫu chấp thuận hoạt động của sân tập lái dùng để sát hạch lái xe mô tô

#### *4.2. Phạm vi điều chỉnh*

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe, gồm: hình thức đào tạo lái xe khác; điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô của cơ sở đào tạo lái xe ô tô; tiêu chuẩn của giáo viên dạy lái xe; trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép xe tập lái; cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép đào tạo lái xe; điều kiện kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe của trung tâm sát hạch lái xe; trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép sát hạch; điều kiện sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô; trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.

#### *4.3. Đối tượng áp dụng*

- Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đào tạo lái xe và sát hạch lái xe tại Việt Nam.
- Nghị định này không áp dụng đối với hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

#### *4.4. Nội dung quy định chủ yếu của Nghị định*

- Về hình thức đào tạo lái xe

Khoản 2 Điều 60 của Luật Trật tự, an toàn giao thông quy định người học lái xe phải được đào tạo tại các cơ sở đào tạo lái xe hoặc các hình thức đào tạo lái xe khác để cấp mới hoặc nâng hạng giấy phép lái xe; khoản 7 Điều 60 của Luật giao Chính phủ quy định chi tiết các hình thức đào tạo lái xe khác hình thức đào



tạo lái xe tập trung tại cơ sở đào tạo quy định tại khoản 2 nói trên. Đây là chính sách mới thay cho việc bắt buộc học lái xe tập trung tại các cơ sở đào tạo lái xe được quy định tại Luật Giao thông đường bộ năm 2008 trước đây. Vì vậy, tại Điều 4 và Điều 5 của Nghị định đã quy định về hình thức đào tạo lái xe.

- Về hình thức của cơ sở đào tạo lái xe

Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định cơ sở đào tạo lái xe là “*cơ sở dạy nghề*”. Tuy nhiên, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ không quy định cơ sở đào tạo lái xe là “*cơ sở dạy nghề*”. Vì vậy, tại Nghị định đã bổ sung một số quy định mới để đáp ứng yêu cầu quản lý đối với hoạt động đào tạo lái xe như: về loại hình cơ sở đào tạo lái xe, yêu cầu về nhân lực của cơ sở đào tạo lái xe, giải thể cơ sở đào tạo lái xe tại Điều 6, Điều 7 và Điều 22.

- Về điều kiện của trung tâm sát hạch lái xe: Bổ sung yêu cầu về điều kiện nhân lực của trung tâm sát hạch lái xe để nâng cao năng lực trong hoạt động cung cấp dịch vụ để tổ chức sát hạch lái xe tại Điều 23, Điều 24 của Nghị định.

- Điều kiện và hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô

Tại khoản 3 Điều 61 của Luật quy định hoạt động sát hạch lái xe mô tô thực hiện tại các trung tâm sát hạch lái xe hoặc tại sân tập lái đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, kỹ thuật; theo đó, hoạt động sát hạch lái xe mô tô ngoài việc thực hiện tại các trung tâm sát hạch lái xe theo như quy định trước đây, thì còn được tổ chức tại sân tập lái đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, kỹ thuật. Vì vậy, Chính phủ đã quy định điều kiện, thủ tục chấp thuận sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô tại các điều 32, Điều 33, Điều 34 và Điều 35 của Nghị định.

- Thủ tục hành chính quy định tại Nghị định

Nghị định sửa đổi 11 thủ tục hành chính hiện hành; đồng thời bổ sung 04 thủ tục hành chính mới để đáp ứng yêu cầu quản lý đối với chính sách mới quy định tại Luật, gồm: thủ tục thu hồi giấy phép xe tập lái theo đề nghị của cơ sở đào tạo lái xe, chấp thuận lại bố trí mặt bằng tổng thể, kích thước của hình sát hạch của trung tâm sát hạch lái xe; thủ tục chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô; thủ tục chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.

15/15 thủ tục hành chính quy định tại Nghị định đã bổ sung hình thức cấp kết quả điện tử đáp ứng chủ chương cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024.

### **III. Văn bản thứ ba**

#### ***1. Tên văn bản QPPL:***

Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ

tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.

## **2. Hiệu lực thi hành:**

- Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.
- Các tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành tiếp tục được sử dụng, không phải thực hiện cấp lại cho đến khi hết hiệu lực của Giấy phép hoặc đến khi thực hiện cấp lại.

## **3. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

Luật Đường bộ và Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ đã được Quốc hội thông qua ngày 27/6/2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 7, trong đó đã giao nhiệm vụ cho Bộ GTVT xây dựng dự thảo Nghị định quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.

## **4. Nội dung chủ yếu của Nghị định:**

**4.1. Bố cục của Nghị định:** Nghị định có 06 Chương, 33 Điều và 08 Phụ lục cụ thể:

- Chương I: Quy định chung gồm từ Điều 1 đến Điều 3
- Chương II: Phân loại, danh mục, đóng gói, dán nhãn và tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm gồm từ Điều 4 đến Điều 8
- Chương III: Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gồm từ Điều 9 đến Điều 12
- Chương IV: Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm gồm từ Điều 13 đến Điều 17
- Chương V: Tổ chức thực hiện gồm từ Điều 18 đến Điều 30
- Chương VI: Điều khoản thi hành gồm từ Điều 31 đến Điều 33
- 08 Phụ lục bao gồm:
  - + Phụ lục I: Danh mục hàng nguy hiểm
  - + Phụ lục II: Số hiệu nguy hiểm
  - + Phụ lục III: Mẫu nhãn, biểu trưng hàng hóa nguy hiểm
  - + Phụ lục IV: Mẫu giấy đề nghị cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm
  - + Phụ lục IVa: Mẫu giấy đề nghị điều chỉnh thông tin trên giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm (...)

+ Phụ lục IVb: Mẫu giấy đề nghị cấp lại giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm

+ Phụ lục V: Mẫu phương án tổ chức vận chuyển hàng nguy hiểm

+ Phụ lục VI: Mẫu giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn an toàn nguy hiểm

+ Phụ lục VII: Mẫu giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (áp dụng cho trường hợp cấp theo chuyên)

+ Phụ lục VIII: Mẫu giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo chuyên (áp dụng cho nhiều chuyên)

#### 4.2. Phạm vi điều chỉnh:

- Nghị định này quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cấp giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Đối với hoạt động vận chuyển các chất phóng xạ thực hiện theo quy định của pháp luật về vận chuyển năng lượng nguyên tử.

- Đối với hoạt động vận chuyển vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, tiền chất thuốc nổ, pháo thực hiện theo quy định của pháp luật về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, tiền chất thuốc nổ và pháo.

- Đối với các hàng hóa nguy hiểm là chất thải nguy hại thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đối với trường hợp có quy định khác nhau giữa Nghị định này với quy định của pháp luật về vận chuyển năng lượng nguyên tử, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, tiền chất thuốc nổ, pháo, bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy thì thực hiện theo quy định của pháp luật về vận chuyển năng lượng nguyên tử, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, tiền chất thuốc nổ và pháo, bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy.

- Đối với vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ qua biên giới trong khuôn khổ Hiệp định, Nghị định thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ và các Phụ lục của Nghị định thư, các chứng chỉ đào tạo về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của bên ký kết khác được chấp thuận sử dụng khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 4.3. Đối tượng áp dụng:

Nghị định này áp dụng với tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

#### 4.4. Nội dung chủ yếu:

- Bổ sung quy định rõ đơn vị thực hiện việc tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm: Người thuê vận tải hoặc người vận tải.

- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 8: “*a) Người thuê vận tải hoặc người vận tải có trách nhiệm tổ chức tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm hoặc cử các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều này tham gia khóa tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm, định kỳ 02 năm một lần;*”.

- Sửa đổi điểm a khoản 6 Điều 8: “*a) Người thuê vận tải hoặc người vận tải tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm chịu trách nhiệm kiểm tra để đánh giá kết quả tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm;*”

- Bổ sung mẫu Giấy chứng nhận hoàn thành tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục VI Nghị định này để tạo thuận lợi và thống nhất trong quá trình sử dụng.

- Quy định lại đối tượng phải được tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm gồm: Người lái xe hoặc người áp tải (bỏ quy định đối với người thủ kho, người xếp dỡ).

- Chuyển cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5 và loại 8 từ Bộ Khoa học và Công nghệ sang Bộ Công thương.

- Bổ sung thêm đối tượng thuộc thẩm quyền cấp phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của Bộ Quốc phòng tại điểm b Khoản 2 Điều 14 là: “*Người vận tải do tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thuê vận chuyển hàng hoá nguy hiểm*”.

- Bổ sung thêm Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm đã được cấp cần điều chỉnh thông tin vào thành phần Hồ sơ đề nghị điều chỉnh thông tin trên Giấy phép khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép quy định tại điểm c Khoản 4 Điều 15.

- Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa (Điều 31) để đảm bảo tính tương đồng với các quy định được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định này để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ đối với các quy định có liên quan.

#### **IV. Văn bản thứ tư**

##### **1. Tên văn bản QPPL**

Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

##### **2. Hiệu lực thi hành**

###### **a) Hiệu lực thi hành**

- Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025.

- Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

- Nghị định này thay thế các Nghị định sau:

Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP .

Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP .

Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Nghị định số 01/2024/NĐ-CP ngày 01/01/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP .

Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22/4/2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

Nghị định số 25/2023/NĐ-CP ngày 19/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2014/NĐ-CP .

- Bãi bỏ Điều 1 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ.

*b) Quy định chuyển tiếp*

- Đối với các tuyến đường đang khai thác đã cắm mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ, việc điều chỉnh và cắm lại mốc hành lang an toàn đường bộ được thực hiện trong trường hợp hành lang tuyến, đoạn tuyến ảnh hưởng đến công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông hoặc trong trường hợp thay đổi cấp kỹ thuật của đường bộ theo quy hoạch được duyệt.

- Đối với các trường hợp đã được chấp thuận việc xây dựng biển quảng cáo, biển thông tin cố định, tuyên truyền chính trị, chấp thuận xây dựng công trình hạ tầng trong phạm vi đường bộ đang khai thác trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo văn bản chấp thuận.

- Các cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ đã được chấp thuận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được phép hoạt động theo văn bản chấp thuận; cá nhân được cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn đường bộ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được hoạt động theo chứng chỉ đã cấp và thời hạn quy định ghi trong chứng chỉ đã cấp.

- Việc đổi tên, số hiệu đường bộ không phù hợp với quy định của Nghị định này hoàn thành trước ngày 01/01/2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Đường bộ.

- Các dự án đầu tư xây dựng và các công việc bảo trì trên quốc lộ quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Nghị định này được thực hiện như sau:

+ Đối với hợp đồng quản lý, vận hành, khai thác, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng quốc lộ sử dụng ngân sách trung ương mà cơ quan quản lý đường bộ được giao đã ký hợp đồng trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, các bên thương thảo, ký kết phụ lục điều chỉnh hợp đồng để chuyển giao quyền, nghĩa vụ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền, giao nhiệm vụ) tiếp tục thực hiện hợp đồng kể từ khi hoàn thành bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ từ trung ương về địa phương và cấp có thẩm quyền điều dự toán ngân sách nhà nước từ Bộ Giao thông vận tải về các địa phương để thực hiện công việc này;

+ Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, sửa chữa công trình đường bộ và các công việc bảo trì khác (sau đây gọi chung là dự án) đã phê duyệt dự án trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, chủ đầu tư tiếp tục thực hiện đến khi hoàn thành dự án đưa vào khai thác, sử dụng;

+ Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, dự án sửa chữa công trình đường bộ, công tác khác đã lựa chọn tư vấn lập dự án đầu tư và nhà thầu có liên quan khác nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa hoàn thành việc phê duyệt dự án, thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành việc phê duyệt dự án. Việc bàn giao dự án cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền, giao nhiệm vụ) tiếp nhận dự án được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước từ Bộ Giao thông vận tải về địa phương để thực hiện dự án;

+ Đối với hậu quả thiên tai xảy ra trên quốc lộ trước khi bàn giao cho địa phương, các cơ quan được giao có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong lĩnh vực đường bộ đến khi hoàn thành công tác khắc phục hậu quả thiên tai để bảo đảm giao thông đường bộ an toàn, thông suốt và bảo đảm an toàn công trình đường bộ;

+ Đối với tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đầu tư theo phương thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải là cơ quan có thẩm quyền đang trong giai đoạn thực hiện hợp đồng dự án việc bàn giao tuyến, đoạn tuyến quốc lộ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý được thực hiện sau khi chấm dứt hợp đồng dự án; hoặc các bên ký kết hợp đồng có thỏa thuận chuyển giao công trình, tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trước thời hạn hợp đồng theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Đối với tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đầu tư theo phương thức đối tác công tư được Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền thì các quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Nghị định này được thực

hiện sau khi chấm dứt hợp đồng dự án; hoặc các bên ký kết hợp đồng có thỏa thuận chuyển giao công trình, tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trước thời hạn hợp đồng theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

### ***3. Sự cần thiết, mục đích ban hành***

Luật Đường bộ và Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ đã được Quốc hội thông qua vào ngày 27/6/2024. Tại các quy định tại Luật Đường bộ gồm: khoản 6 Điều 5, khoản 3 Điều 6, khoản 6 Điều 8, khoản 4 Điều 11, khoản 7 Điều 14, khoản 4 Điều 15, khoản 9 Điều 17, khoản 6 Điều 18, khoản 7 Điều 19, khoản 5 Điều 20, khoản 5 Điều 21, khoản 7 Điều 25, khoản 7 Điều 29, điểm c khoản 3 Điều 30, khoản 9 Điều 37, khoản 3 Điều 40, khoản 5 Điều 48, khoản 5 Điều 49, khoản 3 Điều 50, khoản 5 Điều 52 của Luật Đường bộ giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung liên quan đến quy hoạch; cơ sở dữ liệu đường bộ; phân loại đường bộ cao tốc quản lý; đặt tên, đổi tên, số hiệu đường bộ; quy định chi tiết phân đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ; hành lang an toàn đường bộ; quy định giới hạn theo phương thẳng đứng của đường dây dẫn điện phía trên đường bộ; quy định việc xây dựng lắp đặt biển quảng cáo trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng (KCHT) đường bộ; quy định xây dựng lắp đặt công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ KCHT đường bộ; quy định xây dựng quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ; quy định chi tiết bảo vệ KCHT đường bộ; quy định chi tiết về tổ chức giao thông; quy định chi tiết thẩm tra, thẩm định ATGT đường bộ; quy định việc kết nối giao thông đường bộ; quy định trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì KCHT đường bộ; quy định chi tiết về giao thông thông minh; quy định chi tiết về mở rộng, nâng cấp đường cao tốc; quy định chi tiết về quản lý, vận hành khai thác, bảo trì đường cao tốc và quy định chi tiết về đầu tư trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe, đỗ xe của đường cao tốc.

Tại Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ giao Chính phủ quy định chi tiết về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ đối với trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác.

Do đó, việc ban hành Nghị định để quy định chi tiết, hướng dẫn các điều, khoản của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ là cần thiết. Ngoài ra, việc ban hành Nghị định này nhằm thay thế một số Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Giao thông đường bộ năm 2008 hết hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025; thể chế hóa các quan điểm của Đảng, chủ trương về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực đường bộ; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; công khai các thủ tục hành chính, trình tự thực hiện và thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính; thể chế hóa các quan điểm để đẩy mạnh đầu tư và khai thác, bảo trì KCHT đường bộ, nhất là đường cao tốc; thể chế hóa các quan điểm, chủ trương về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ; thể chế hóa các quan điểm về sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, kết hợp xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng cùng với đầu tư xây dựng đường bộ, nhất là tại các đô thị và các công trình có quy mô lớn.

### ***4. Nội dung chủ yếu***

*4.1. Bố cục của Nghị định:* Nghị định bao gồm 09 Chương, 70 Điều và 10 Phụ lục, cụ thể:

- Chương I: Quy định chung gồm từ Điều 1 đến Điều 3
- Chương II: Quy định về phân loại, phân cấp và trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì đường bộ gồm từ Điều 4 đến Điều 9
- Chương III: Quy định về phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ; hành lang an toàn đường bộ; xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác gồm từ Điều 10 đến Điều 21
- Chương IV: Quy định về tổ chức giao thông, kết nối giao thông đường bộ gồm từ Điều 22 đến Điều 31
- Chương V: Quy định về thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ; đào tạo thẩm tra an toàn giao thông đường bộ gồm từ Điều 32 đến Điều 45
- Chương VI: Quy định về đường cao tốc gồm từ Điều 46 đến Điều 56
- Chương VII: Quy định cơ sở dữ liệu đường bộ gồm từ Điều 57 đến Điều 63
- Chương VIII: Quy định về hệ thống quản lý giao thông thông minh gồm từ Điều 64 đến Điều 66
- Chương IX: Quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan khác, hiệu lực thi hành, chuyển tiếp và trách nhiệm thực hiện gồm từ Điều 67 đến Điều 70

#### *4.2. Phạm vi điều chỉnh*

Nghị định này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ về:

- Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ.
- Phân loại, phân cấp và trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì đường bộ.
- Phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ; hành lang an toàn đường bộ; xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác.
- Tổ chức giao thông, kết nối giao thông đường bộ.
- Thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ; đào tạo thẩm tra an toàn giao thông đường bộ.
- Đường cao tốc.
- Cơ sở dữ liệu đường bộ.
- Hệ thống quản lý giao thông thông minh.

#### *4.3. Đối tượng áp dụng*



Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch, đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ, cơ sở dữ liệu đường bộ và giao thông thông minh.

#### *4.4. Nội dung chính của Nghị định*

Nghị định có một số nội dung quan trọng thay đổi, bổ sung mới so với quy định trước như:

- Quy định về phân cấp quản lý quốc lộ, giao quốc lộ cho UBND cấp tỉnh quản lý để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh; điều chỉnh loại đường theo cấp quản lý; trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì KCHT đường bộ; thay đổi một số nội dung quy định liên quan đến xác định đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ; thay đổi về nội dung, thẩm quyền chấp thuận và trình tự thủ tục liên quan đến xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo, biển thông tin tuyên truyền cổ động chính trị, xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng và công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung vào phạm vi KCHT đường bộ; bảo vệ KCHT đường bộ; sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác; các quy định về tổ chức giao thông đường bộ, đấu nối vào đường bộ có nhiều nội dung mới và thay đổi thẩm quyền, trình tự thủ tục so với trước đây; việc thẩm tra, thẩm định ATGT và đào tạo, cấp chứng chỉ thẩm tra ATGT cũng có các quy định thay đổi so với trước đây.

- Nghị định bổ sung mới 3 chương, bao gồm:

- + Chương VI quy định về đường cao tốc, trong đó có quy định cách thức mở rộng đường cao tốc theo phương thức PPP và theo hình thức đầu tư công; đầu tư trạm dừng nghỉ thuộc công trình đường cao tốc; quản lý, vận hành, khai thác đường cao tốc và lộ trình đầu tư xây dựng các công trình thuộc KCHT đường cao tốc.

- + Chương VII quy định về cơ sở dữ liệu đường bộ.

- + Chương VIII hệ thống giao thông thông minh.

## **V. Văn bản thứ năm**

### ***1. Tên văn bản QPPL***

Nghị định số 166/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới.

### ***2. Hiệu lực thi hành***

#### ***a) Hiệu lực thi hành***

- Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025, trừ điểm d khoản 1 Điều 16 của Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.

- Các Nghị định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009 của Chính phủ quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người;

Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;

Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;

Nghị định số 121/2024/NĐ-CP ngày 03/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ.

- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

*b) Điều khoản chuyển tiếp*

- Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa đáp ứng được điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định này thì được tiếp tục hoạt động đến hết ngày 31/12/2028.

- Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới nhưng chưa được Tổ chức đánh giá sự phù hợp kiểm tra, đánh giá theo quy định tại khoản 10 Điều 22 của Nghị định này phải được kiểm tra, đánh giá sự phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm trước ngày 01/01/2029.

- Đăng kiểm viên xe cơ giới đã được cấp chứng chỉ đăng kiểm viên trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được tính tương đương như đăng kiểm viên hạng II; đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao đã được cấp chứng chỉ đăng kiểm viên trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được tính tương đương như đăng kiểm viên hạng I.

- Các phương tiện đã được xác định có niên hạn sử dụng hoặc không có niên hạn sử dụng trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được áp dụng theo niên hạn sử dụng đã được xác định.

- Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã nộp tại Sở Giao thông vận tải hoặc Cục Đăng kiểm Việt Nam trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 và Nghị định số 121/2024/NĐ-CP ngày 03/10/2024 của Chính phủ.

- Các phôi giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định theo mẫu tại Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới

đường bộ, Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT ngày 13/5/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về điều kiện đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông đường bộ, Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế, Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng đã sản xuất thì được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 30/6/2025.

### **3. Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

a) Ngày 27/6/2024, Quốc hội khóa XV thông qua Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025, Luật sửa đổi, bổ sung các quy định về các nội dung có liên quan đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ; trong đó có quy định giao Chính phủ quy định việc tổ chức, hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, niên hạn sử dụng của xe cơ giới, chi tiết cụ thể như sau:

- Tại khoản 1 Điều 34 quy định xe cơ giới bao gồm: xe ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ; kiểm định khí thải xe mô tô; xe gắn máy và các loại xe tương tự;

- Tại khoản 4 Điều 40 giao Chính phủ quy định chi tiết về niên hạn sử dụng của xe cơ giới; điểm a khoản 1 Điều 46 quy định xe ô tô chở trẻ em mầm non, học sinh có niên hạn sử dụng không quá 20 năm;

- Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 42 quy định: “1. Các loại xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ phải được kiểm định theo quy định của pháp luật. 2. Việc kiểm định đối với xe mô tô, xe gắn máy chỉ thực hiện kiểm định khí thải”.

- Tại điểm e khoản 5 Điều 42 giao Bộ trưởng Bộ GTVT quy định nội dung về: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

- Tại khoản 1 Điều 43 quy định “Cơ sở đăng kiểm là tổ chức cung cấp dịch vụ công thực hiện kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được tổ chức, hoạt động theo quy định của Chính phủ”;

b) Luật Đầu tư năm 2020 quy định “Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới” thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (Phụ lục IV ban hành kèm theo Luật Đầu tư). Ngoài ra, căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 42 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ nêu trên có thể hiểu, việc kiểm định khí thải đối với xe mô tô, xe gắn máy là một phần của hoạt động kiểm định xe cơ giới và do Chính phủ quy định theo thẩm quyền.

c) Ngày 27/7/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 717/QĐ-TTg ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định

chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7. Trong đó giao Chính phủ ban hành Nghị định quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, niên hạn sử dụng đối với xe cơ giới.

#### **4. Nội dung chủ yếu:**

*4.1. Bố cục của Nghị định:* Nghị định bao gồm 06 Chương, 28 Điều và 12 Phụ lục, cụ thể:

- Chương I: Những quy định chung gồm từ Điều 1 đến Điều 3
- Chương II: Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới gồm từ Điều 4 đến Điều 8
- Chương III: Tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm gồm từ Điều 9 đến điều 17
- Chương IV: Niên hạn sử dụng của xe cơ giới gồm Điều 18 và Điều 19
- Chương V: Tổ chức thực hiện gồm từ Điều 20 đến Điều 26
- Chương VI: Điều khoản thi hành gồm Điều 27 và Điều 28
- 12 Phụ lục bao gồm:
  - + Phụ lục I: Mẫu sổ phân công nhiệm vụ kiểm định
  - + Phụ lục II: Mẫu thông báo sự cố hư hỏng/thay đổi phương tiện đo
  - + Phụ lục III: Mẫu thông báo thay đổi nhân sự
  - + Phụ lục IV: Mẫu phôi giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định
  - + Phụ lục V: Mẫu đề nghị cung cấp phôi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định
  - + Phụ lục VI: Mẫu thông báo cấp phôi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định
  - + Phụ lục VII: Mẫu sổ theo dõi, nhập, cấp phát phôi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định
  - + Phụ lục VIII: Mẫu đề nghị kiểm tra, đánh giá việc quản lý sử dụng phôi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định
  - + Phụ lục IX: Mẫu biên bản kiểm tra, đánh giá việc quản lý sử dụng phôi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định
  - + Phụ lục X: Mẫu thông báo kết quả thực hiện quản lý hoạt động kiểm định trên địa bàn
  - + Phụ lục XI: Mẫu báo cáo danh sách phương tiện hết niên hạn sử dụng
  - + Phụ lục XII: Mẫu báo cáo thu hồi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định

#### *4.2. Phạm vi điều chỉnh*

Nghị định này quy định về:

- Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, bao gồm: kiểm định xe ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ; kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

- Tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm.

- Niên hạn sử dụng đối với các loại xe ô tô chở hàng, bao gồm cả xe ô tô chở hàng chuyên dùng; xe ô tô chở người có số người cho phép chở từ 09 người trở lên, không kể người lái xe; xe ô tô chở trẻ em mầm non, xe ô tô chở học sinh, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ.

#### 4.3. Đối tượng áp dụng

- Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến:

+ Hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; kiểm định xe máy chuyên dùng;

+ Quản lý, sử dụng xe cơ giới và xe cải tạo có quy định về niên hạn sử dụng, trừ các trường hợp xe cơ giới không áp dụng niên hạn sử dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Nghị định này không áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

#### 4.4. Nội dung chủ yếu

- Chương I: Những quy định chung

Quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ. Nội dung Chương này của dự thảo Nghị định cơ bản nêu các nội dung theo phạm vi trách nhiệm đã được nêu trong Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và có kế thừa các quy định có tính ổn định, phù hợp với thực tiễn tại Nghị định trước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Chương II: Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới

+ Điều 4. Quy định điều kiện chung đối với cơ sở đăng kiểm và cơ sở kiểm định khí thải.

+ Mục 1: Điều kiện đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, gồm 02 Điều (Điều 5 và Điều 6) quy định các điều kiện về diện tích và nhân lực của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới. Về cơ bản nội dung này kế thừa tính ổn định, phù hợp với thực tiễn tại các Nghị định trước.

+ Mục 2: Điều kiện đối với cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy, gồm 02 Điều (Điều 7 và Điều 8) quy định các điều kiện về diện tích và nhân lực của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới.

- Chương III: Tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm

Quy định về cơ cấu tổ chức; nguyên tắc hoạt động; quy định trong quá trình hoạt động; các trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm

định của cơ sở đăng kiểm và thủ tục ngừng hoạt động kiểm định xe cơ giới. Nội dung này xây dựng bổ sung trên cơ sở tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Chương IV: Niên hạn sử dụng của xe cơ giới

Quy định về niên hạn sử dụng; xác định năm sản xuất của xe và trình tự thủ tục kiểm tra xác định năm sản xuất; về cơ bản nội dung này kế thừa các nội dung mang tính ổn định của Nghị định số 95/2009/NĐ-CP và bổ sung một số nội dung trong Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ đã giao.

- Chương V: Tổ chức thực hiện

Quy định về trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; kiểm định xe máy chuyên dùng; quản lý, sử dụng xe có quy định về niên hạn sử dụng.

- Chương VI: Điều khoản thi hành

Quy định điều khoản chuyển tiếp, hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành.

Trên đây là thông tin phục vụ thông cáo báo chí đối với các văn bản do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành, Bộ GTVT gửi Bộ Tư pháp tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr. Nguyễn Duy Lâm (để b/c);
- Công TTĐT Bộ GTVT (để đăng tải);
- Văn phòng Bộ GTVT (để truyền thông);
- Lưu: VT, PC.

**TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP CHẾ**



**Trần Thị Minh Hiền**